CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 1

Ngày 30/09/2025	3,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**2.9%**	**-2.8%**

DT thuần
Q3/25
2.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.30| -56.8%
YoY: ▲ 2.42| 2417%

LN thuần
Q3/25
-1.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.07| -344%
YoY: ▼1.13| -450%

LN sau thuế
Q3/25
-1.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.08| -317%
YoY: ▼1.12| -373%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-56.4%
YoY: +/-▼ 50.6%

ROE (TTM)
Q3/25
1.8%
YoY: +/-▼ 4.3%

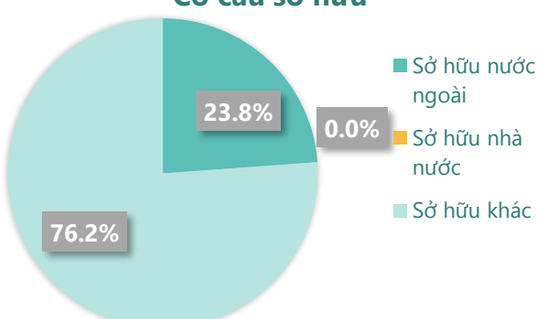
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,000 - 5,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21
Số lượng CPLH (CP)	5,931,280
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,570
Sở hữu nước ngoài	23.8%
Beta	0.28
EPS	76
P/E	45.9

DT thuần
9T 2025
8.34
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.54| 942%

LN thuần
9T 2025
-1.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.24| 11.6%

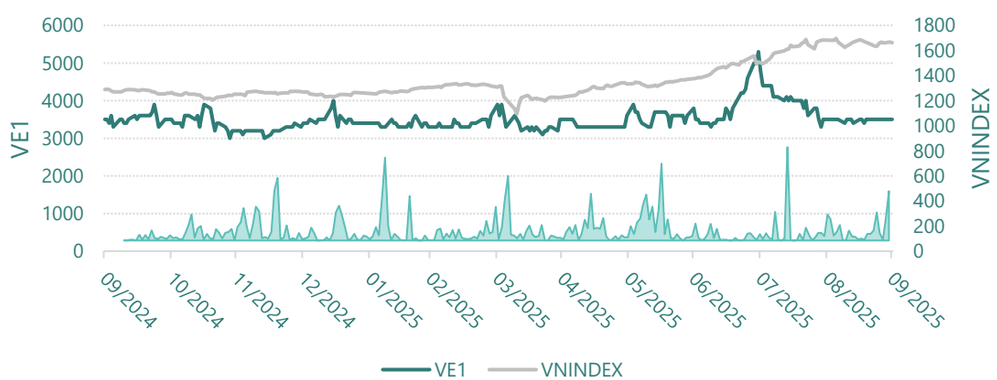
LN sau thuế
9T 2025
-2.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.27| 12.2%

Cơ cấu sở hữu

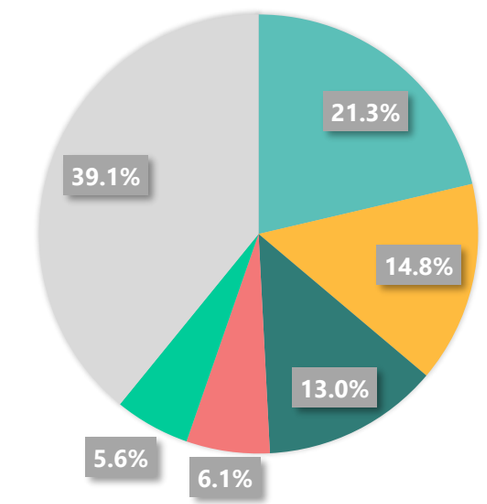


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

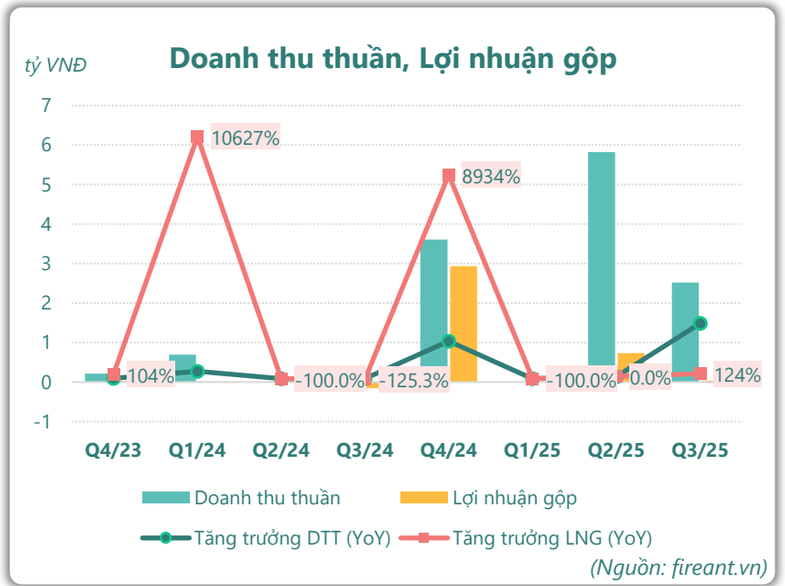


Cơ cấu cổ đông

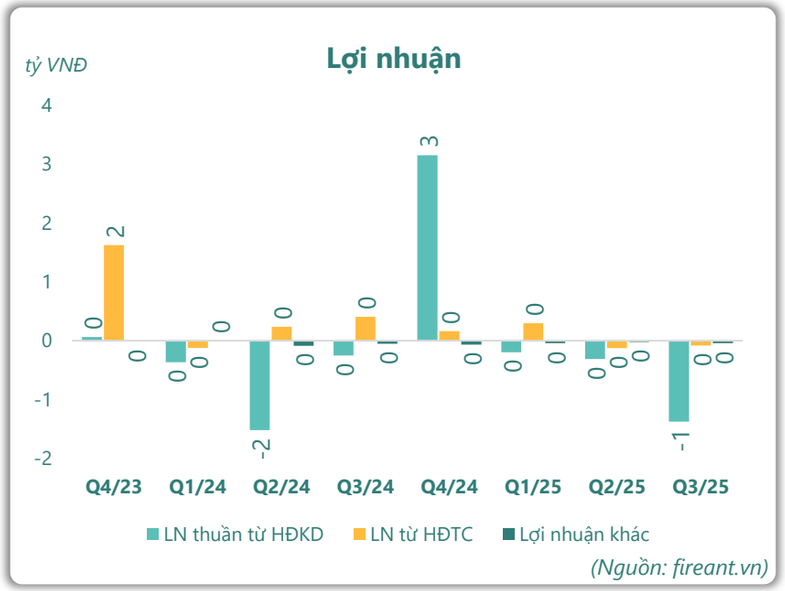


(Nguồn: fireant.vn)

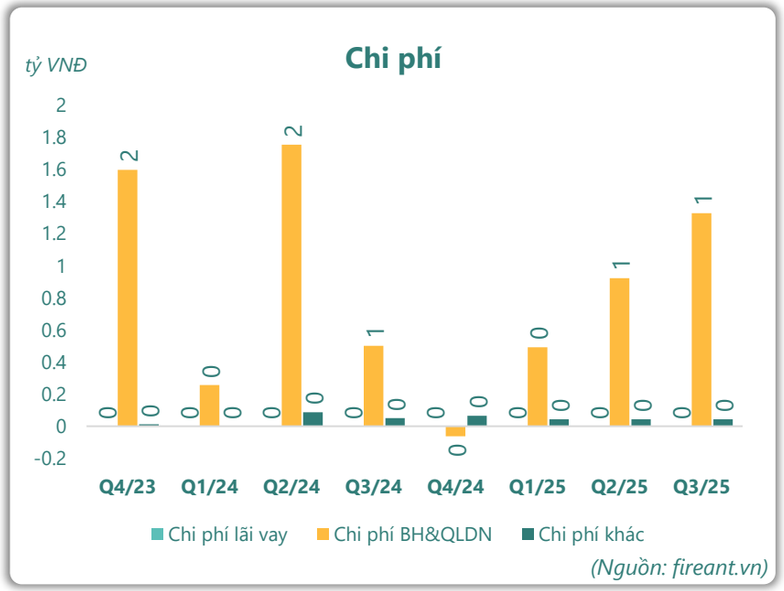
KẾT QUẢ KINH DOANH



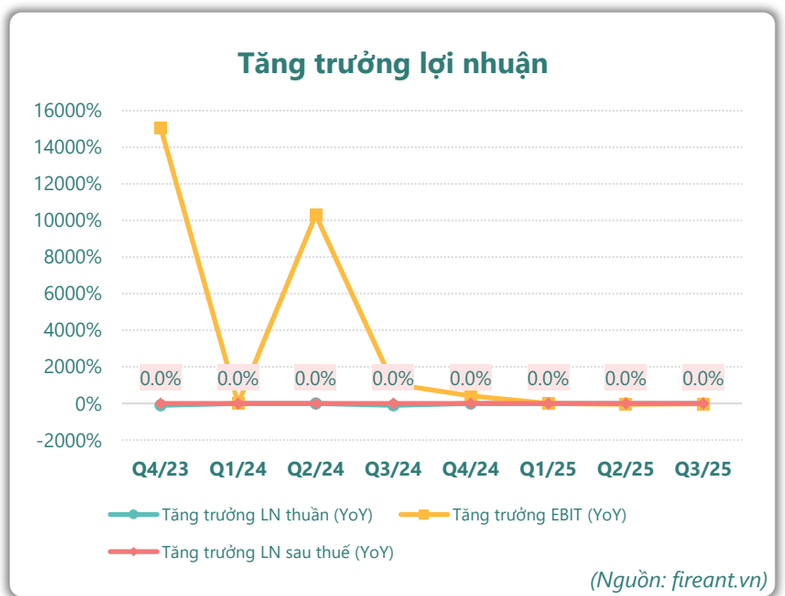
(Nguồn: fireant.vn)



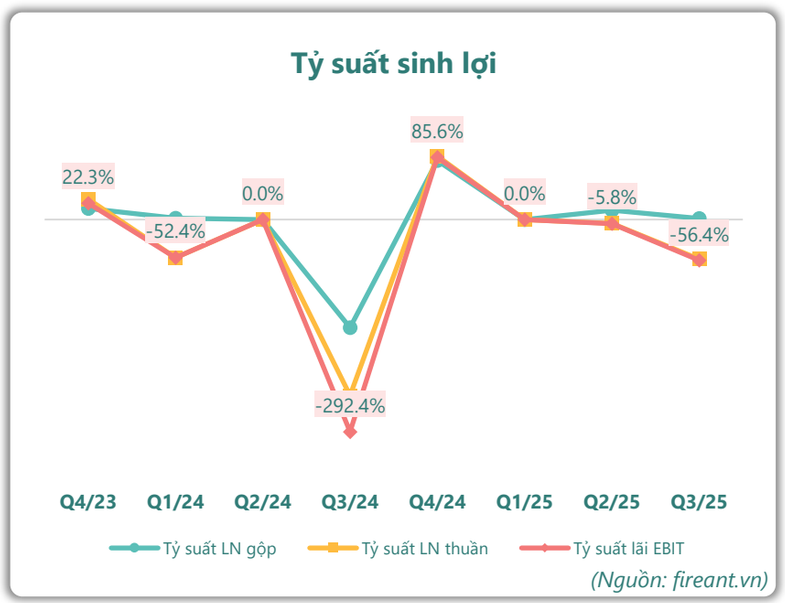
(Nguồn: fireant.vn)



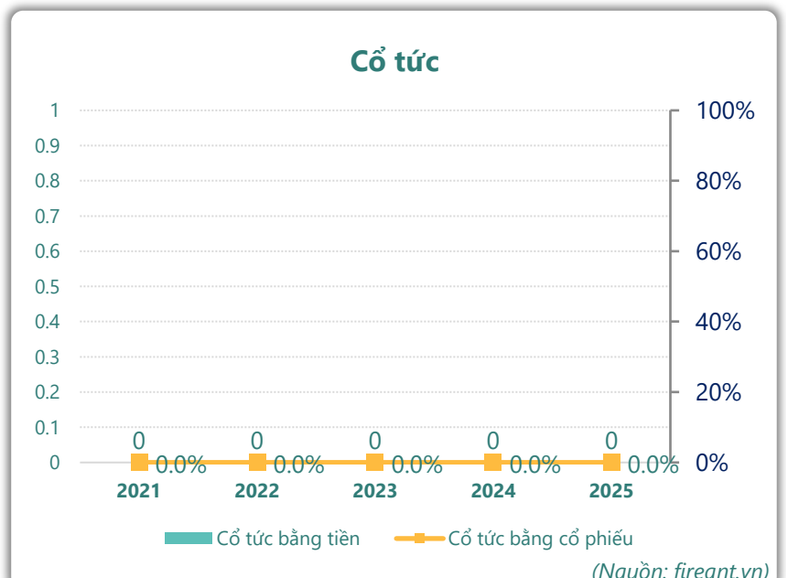
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



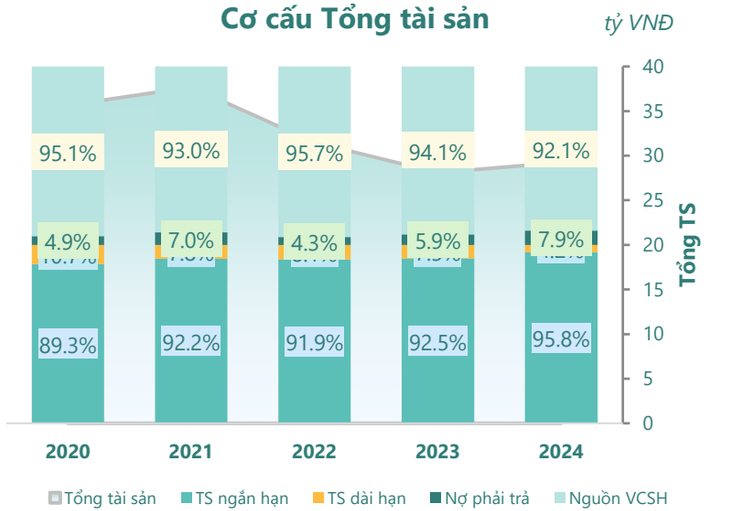
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

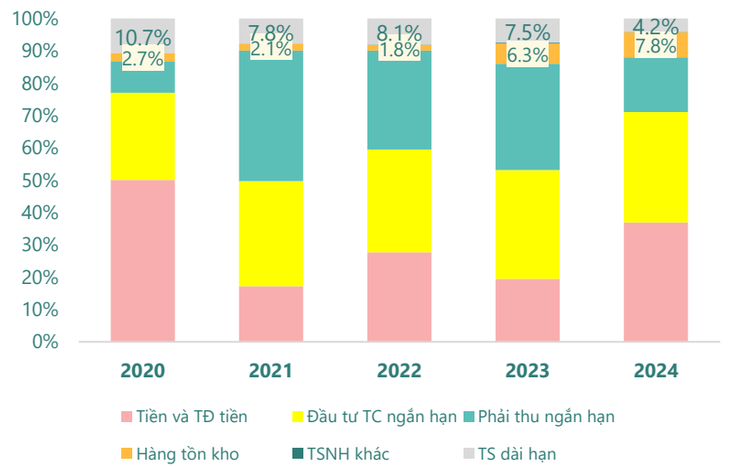
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



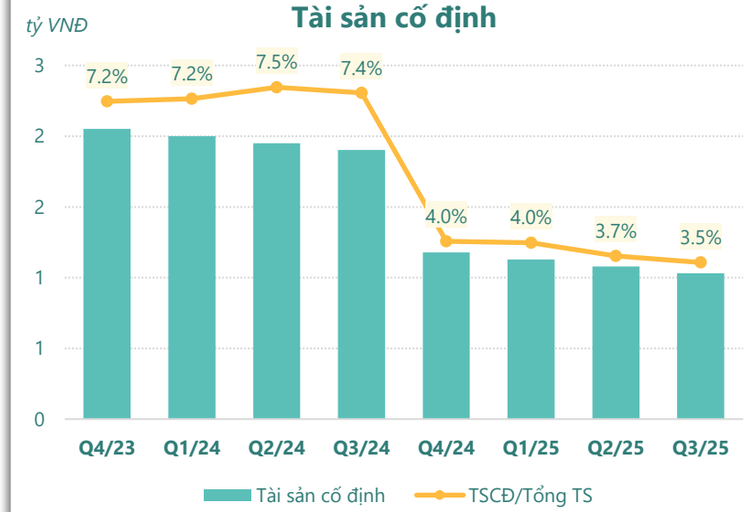
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



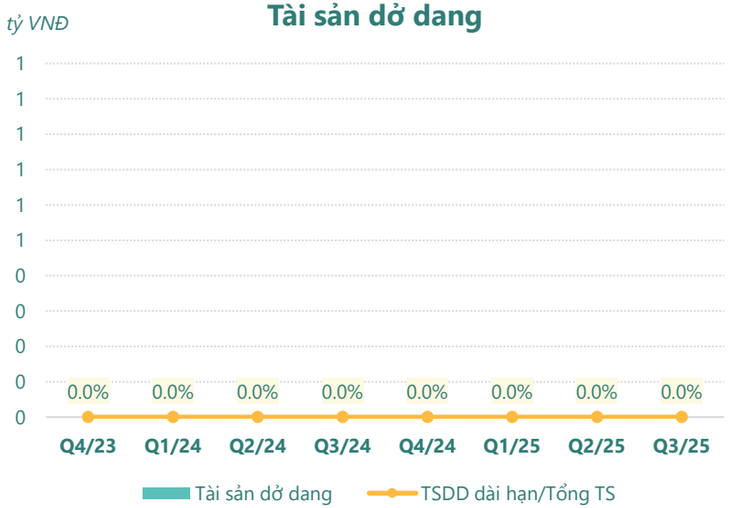
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



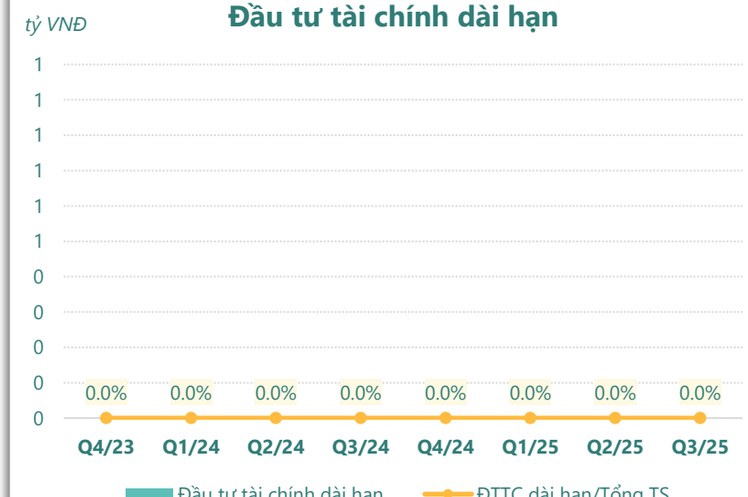
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



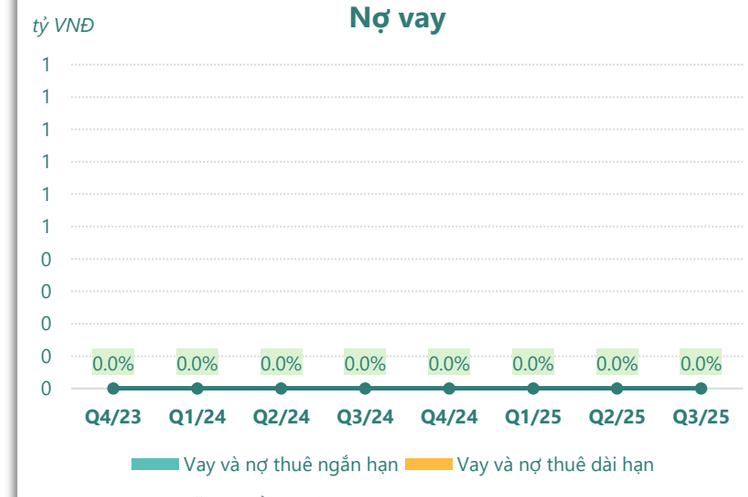
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

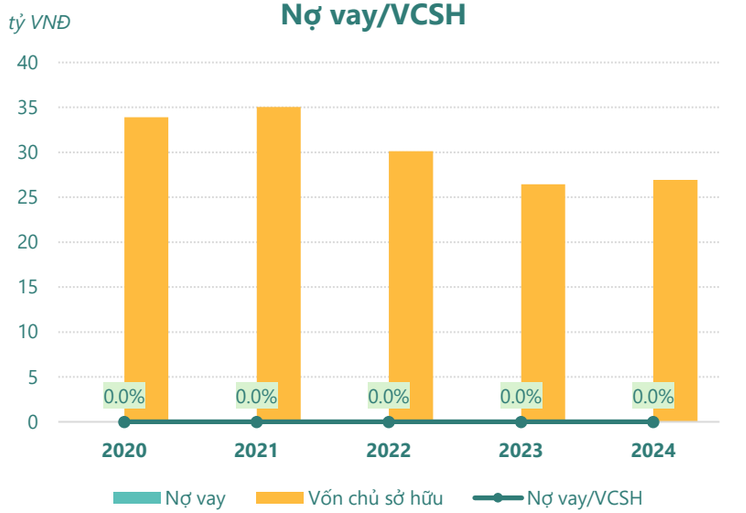
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

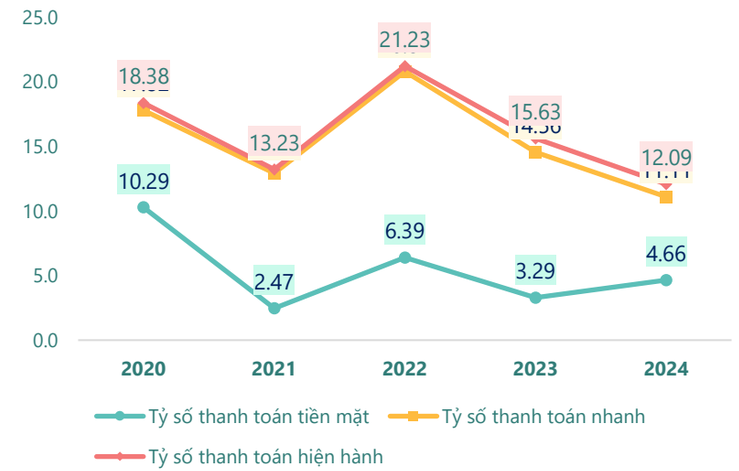
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



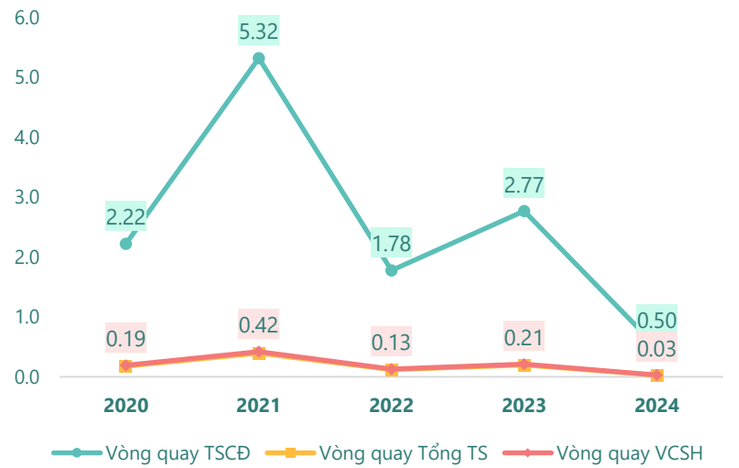
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



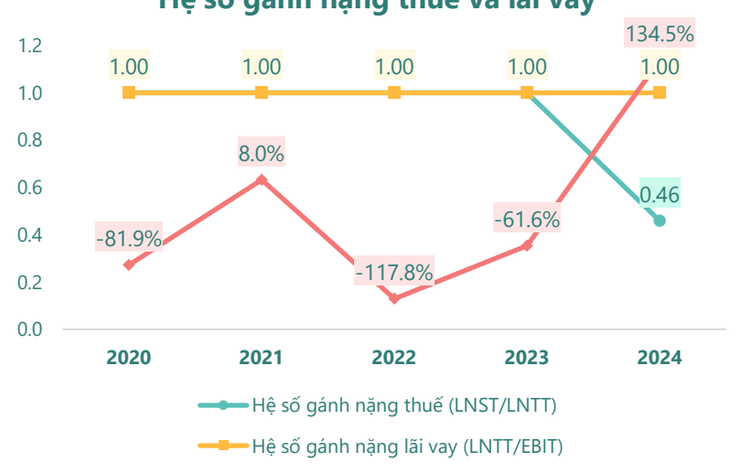
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



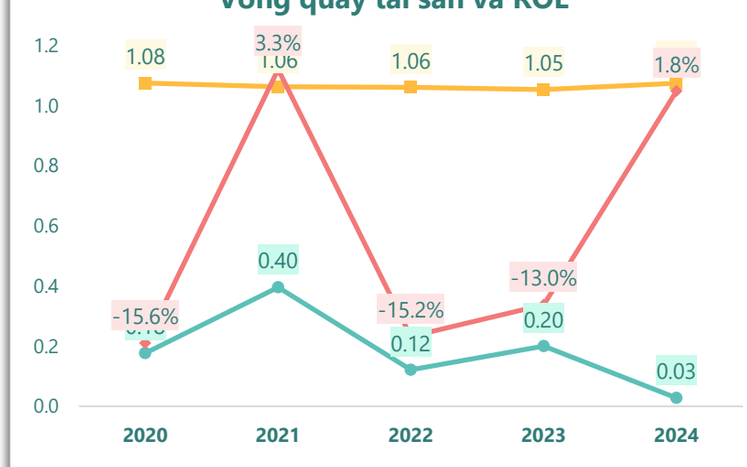
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



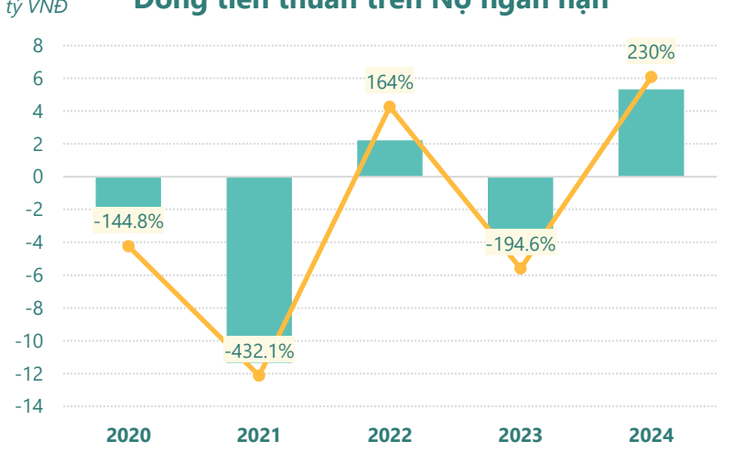
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.52**	**0.10**	**2417%**	**8.34**	**0.80**	**942%**
Giá vốn hàng bán	2.48	0.26	854%	7.57	0.94	706%
Lợi nhuận gộp	0.04	-0.15	125%	0.77	-0.14	656%
Doanh thu HĐTC	0.10	0.04	152%	0.24	0.12	97.5%
Chi phí TC	0.18	-0.37	150%	0.16	-0.40	140%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.33**	**0.50**	**166%**	**2.74**	**2.51**	**9.1%**
LN thuần từ HĐKD	-1.38	-0.25	-450%	-1.89	-2.13	11.6%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**-0.05**	**13.0%**	**-0.11**	**-0.14**	**20.8%**
LN trước thuế	-1.42	-0.30	-373%	-2.00	-2.27	12.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.42**	**-0.30**	**-373%**	**-2.00**	**-2.27**	**12.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.42**	**-0.30**	**-373%**	**-2.00**	**-2.27**	**12.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.15	-0.11	2.78	-5.64	4.55	1.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.10	-5.10	4.75	0.08	-9.48	-1.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.54	8.48	3.27	10.8	5.24	0.31
Lưu chuyển tiền thuần	**4.94**	**-5.20**	**7.53**	**-5.56**	**-4.93**	**0.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.48	3.27	10.8	5.24	0.31	0.59

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**29.1**	**29.3**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	27.9	28.0	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	0.59	10.8	-94.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.9	9.99	109%
Phải thu ngắn hạn	5.21	4.95	5.3%
Hàng tồn kho	1.27	2.27	-44.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.03	-100%
Tài sản dài hạn	**1.14**	**1.22**	**-6.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.03	1.18	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.11**	**0.05**	**152%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.14	2.32	78.6%
Nợ ngắn hạn	**4.14**	**2.32**	**78.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.66	0.48	457%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**24.9**	**26.9**	**-7.4%**
Vốn chủ sở hữu	**24.9**	**26.9**	**-7.4%**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)